

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ

Môn: Xã hội học đại cương

CÓ MỤC LỤC

18 câu – 28 trang

Câu 1: Anh/chị hãy trình bày và phân tích các quan điểm về đối tượng nghiên cứu xã hội học ở cả 3 cấp độ.	1
Câu 2: Hãy phân tích những điều kiện tiền đề cho sự ra đời ngành xã hội học.....	1
Câu 3: Hãy phân tích những đóng góp của Auguste Comte (1798-1857) đối với sự ra đời và phát triển của xã hội học.....	3
Câu 4: Hãy phân tích những đóng góp của Emile Durkheim (1858- 1917) đối với sự ra đời và phát triển của xã hội học.....	6
Câu 5: Hãy lựa chọn một đề tài nghiên cứu xã hội học và cho biết mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu, đối tượng, khaschtheer và phạm vi nghiên cứu.	8
Câu 6: Tài liệu là gì? Trình bày phương pháp nghiên cứu tài liệu, các cách phân tích tài liệu trong nghiên cứu xã hội học. Hãy cho biết các ưu, nhược điểm của phương pháp phân tích tài liệu.	10
Câu 7: Thế nào là câu hỏi đóng, câu hỏi mở? Lấy ví dụ phân tích để làm rõ điểm mạnh, yếu của các câu hỏi đóng mở.....	11
Câu 8: Trình bày định nghĩa hành động xã hội và phân tích quan điểm của Weber về cách phân loại hành động xã hội	12
Câu 9: Trình bày khái niệm tương tác xã hội và một số quan điểm lý thuyết tương tác (lý thuyết trao đổi xã hội, lý thuyết tương tác biểu trưng)	13
Câu 10. Phân tích định nghĩa vị thế xã hội? Đặc điểm của vị thế xã hội? Các kiểu vị thế xã hội? Lấy ví dụ phân tích cụ thể.....	15
Câu 11: Trình bày khái niệm vai trò xã hội và đặc trưng vai trò xã hội. Lấy ví dụ phân tích về xung đột vai trò và căng thẳng vai trò	18
Câu 12: Trình bày khái niệm về quyền lực xã hội và phân tích quan điểm của Weber về quan điểm quyền lực xã hội.....	19
Câu 13: Trình bày khái niệm về phân tầng xã hội và phân tích các đặc điểm của phân tầng xã hội theo quan điểm của John Macionis.....	20

Câu 14: Trình bày khái niệm di động xã hội và phân tích quan điểm của Giddens về di động xã hội 20

Câu 15: Trình bày khái niệm của lệch chuẩn và lấy ví dụ để phân tích các chức năng của lệch chuẩn 22

Câu 16: Trình bày khái niệm của xã hội hóa. Phân tích qua strifnh xã hội hóa theo quan điểm của Andreeva 23

Câu 17: Trình bày các môi trường xã hội hóa và lấy ví dụ phân tích các môi trường xã hội hóa 25

Câu 18: Trình bày khái niệm biến đổi xã hội? Phân tích những đặc điểm và nguyên nhân của biến đổi xã hội..... 27

Câu 1: Anh/chị hãy trình bày và phân tích các quan điểm về đối tượng nghiên cứu xã hội học ở cả 3 cấp độ.

Quan niệm về đối tượng nghiên cứu của các nhà XHH kinh điển:

+ **Aguste Comte**: Là người khai sinh ra ngành XHH. Ông cho rằng các xã hội tồn tại như những hệ thống phức hợp và có hai cách để nghiên cứu các hệ thống này. Thứ nhất là nghiên cứu sự cùng tồn tại của các thiết chế trong một hệ thống và cơ cấu ex như chức năng của chúng. Hai là nghiên cứu sự biến đổi, phát triển, tiến bộ của các thiết chế và hệ thống qua thời gian. Như vậy Aguste Comte quan niệm đối tượng nghiên cứu của xã hội học là cơ cấu xã hội và biến đổi xã hội => **Vĩ mô**.

+ **Emile Durkheim** cho rằng đối tượng nghiên cứu của xã hội học là các sự kiện xã hội. Sự kiện xã hội là những hiện tượng xã hội cụ thể. Đó là những cách hành động, cách suy nghĩ, các cảm nhận mang tính tập thể. Đó là những khuôn mẫu chung mà người ta thu nhận được thông qua học hỏi => **Trung mô**.

+ **Max Weber** cho rằng xã hội học phải bắt đầu nghiên cứu từ hành động của con người. Max Weber nhấn mạnh rằng phải sử dụng các loại hình lý tưởng để thấu hiểu ý nghĩa được gán cho của các hành động xã hội. Ý nghĩa đó bao gồm dự định, động cơ của người đưa ra hành động, sự mong đợi đối với hành vi của người khác, và quan niệm về những tình huống hành động. Loại hình lý tưởng là những mô hình khái niệm hoặc mô hình phân tích phản ánh những khía cạnh của thực tiễn được quan tâm, loại hình lý tưởng không có trong thực tế. Max Weber cho rằng loại hình lý tưởng quan trọng nhất trong xã hội học là các loại hành động xã hội và ông đã đưa ra bốn loại hành động xã hội lý tưởng: Hành động duy lý công cụ, duy lý giá trị, hành động truyền thống và hành động xúc cảm. Như vậy, theo Max Weber, đối tượng nghiên cứu của XHH là hành động xã hội => **Vi mô**.

Câu 2: Hãy phân tích những điều kiện tiền đề cho sự ra đời ngành xã hội học

Kinh tế - xã hội và nhu cầu thực tiễn:

Ở Châu Âu cuối thế kỉ 18 đầu thế kỉ 19 phương thức sản xuất của CNTB ra đời và phát triển lớn mạnh. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 2 diễn ra ở hầu khắp Châu Âu đã làm thay đổi cơ bản mọi hoạt động, thúc đẩy kinh tế phát triển nhảy vọt. Nhiều lĩnh vực công nghiệp mới, ngành nghề mới xuất hiện, giao thông vận tải phát triển nhanh, khiến cho hàng hóa và sản phẩm công nghiệp lưu chuyển thuận lợi từ vùng này sang vùng khác, từ nước này sang nước khác. Thị trường không ngừng mở rộng, thương mại phát triển và bành trướng đã làm lung lay trật tự phong kiến đã tồn tại hàng nghìn năm ở Châu Âu. Phương thức sản xuất TBCN thay thế dần phương thức sản xuất phong kiến, hình thái kinh tế phong

kiến bị lật đổ. CNTB tạo ra rất nhiều của cải vật chất cho xã hội. Sau 100 năm đã tạo ra một khối của cải vật chất khổng lồ.

Từ chính sự biến đổi kinh tế dẫn đến sự phát triển nhảy vọt của đời sống XH ở Châu Âu:

- Lối sống XH thay đổi, đô thị hóa phát triển nhanh chóng ở mọi ngõ ngách của XH Châu Âu. Đồng ruộng làng mạc bị thu hẹp, lối sống điền dã mạnh mún của nông nghiệp nông thôn dần dần bị đẩy lùi, thay vào đó là lối sống đô thị theo tác phong công nghiệp – XH công nghiệp.

- Hệ thống các giá trị chuẩn mực XH cổ truyền coi trọng đạo đức, tình cảm dần dần cũng bị thay thế bởi hệ thống giá trị chuẩn mực mới theo xu hướng thực dụng và bạo lực.

- Thiết chế XH: Ngày càng quan tâm hơn đến việc điều chỉnh và kiểm soát cả hoạt động trong lĩnh vực kinh tế các quan hệ kinh tế.

- Quy mô và cơ cấu gia đình cũng thay đổi theo xu hướng quy mô gia đình nhỏ chỉ với 1, 2 thế hệ, gia đình hạt nhân.

- Cơ cấu XH cũng thay đổi mà điển hình nhất là cơ cấu XH giai cấp biến đổi, cơ cấu XH lao động ngành nghề biến đổi. Nông dân từ làng mạc đồng quê tiến về khu đô thị, thành phố để kiếm sống.

Sự xuất hiện cách mạng lần thứ 2 này đã làm cho nền kinh tế XH ở Châu Âu bị đảo lộn, xáo trộn. Con người thì bàng hoàng trước sự biến đổi nhanh chóng của đời sống xã hội.

Đời sống chính trị XH:

Xuất hiện hàng loạt cuộc cách mạng tư sản. Điển hình là cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789. Đây là dấu mốc, cú đánh mạnh mẽ vào thành trì XH phong kiến Châu Âu và cũng là cú đánh mở ra thời kỳ hình thành chế độ chính trị mới ở các nước Châu Âu.

- Quyền lực chính trị cũng có sự thay đổi từ tay giai cấp phong kiến quý tộc, tăng lữ chuyển sang giai cấp phong kiến tư sản và số ít những người nắm giữ tư liệu sản xuất của xã hội.

- Trật tự chính trị - XH chuyên chế độc đoán và nhà nước phong kiến bị thay thế bằng chế độ dân chủ, chuyên chế của nhà nước tư sản.

- Mâu thuẫn XH trong lòng XH cũng thay đổi. Mâu thuẫn giai cấp tư sản và vô sản thay thế cho giai cấp địa chủ và nông dân.

- Đặc biệt CM tư sản Pháp với tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền lần đầu tiên đề cập đến tự do, bình đẳng, bác ái đã làm thay đổi tư duy chính trị của con người, làm dấy lên trong lòng XH rất nhiều phong trào đấu tranh đòi dân quyền bình đẳng bác ái trong XH.

Biến động chính trị ở Châu Âu thời kỳ này làm cho trật tự chính trị XH ở Châu Âu mất ổn định. Trật tự kinh tế chính trị XH ở Châu Âu đầy biến động làm xuất hiện trong xã hội một nhu cầu phải nghiên cứu thực tại XH để tìm ra giải pháp cho việc lập lại trật tự XH ổn định, tạo điều kiện cho cả cá nhân và XH cùng phát triển.

Sự phát triển của khoa học

Sự phát triển của khoa học tự nhiên và khoa học logic thực nghiệm ở thế kỉ ảnh sáng (TK18) và sự đề cao vai trò của khoa học là những tiền đề quan trọng là cơ sở cho nghiên cứu xã hội.

Các cuộc cách mạng khoa học diễn ra ở TK 16, 17,18 đã làm thay đổi căn bản thế giới quan và pp luận khoa học. Lần đầu trong lịch sử khoa học nhân loại, thế giới được xem như một thể thống nhất có trật tự, có quy luật, và vì vậy có thể hiểu được, giải thích được bằng các khái niệm, phạm trù và ppnckh.

Các khoa học tự nhiên và logic thực nghiệm như lý hóa sinh đã phát hiện ra những quy luật tự nhiên để giải thích thế giới. Do vậy, các nhà xã hội học đã tìm thấy cách xây dựng lý thuyết và cách nghiên cứu quá trình, hiện tượng xã hội một cách khoa học.

Các nhà triết học, khoa học xã hội khao khát tìm ra các quy luật tự nhiên của tổ chức xã hội, đặc biệt là các quy luật của sự tiến triển xã hội.

Những kết quả thực nghiệm của khoa học tự nhiên đã cho phép con người hiểu được bức tranh tổng quát về thế giới như là một chỉnh thể thống nhất và các hiện tượng. Các nhà xã hội học tìm thấy ở khoa học tự nhiên mô hình, quan niệm về cách xây dựng lý thuyết, ppnckh quá trình xã hội và hiện tượng xã hội. Họ tin tưởng rằng có thể sử dụng các quy luật đó làm công cụ để xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn.

Câu 3: Hãy phân tích những đóng góp của Auguste Comte (1798-1857) đối với sự ra đời và phát triển của xã hội học.

Tiểu sử: Sinh năm 1789 trong một gia đình Gia tô giáo người Pháp ông có tư tưởng tự do và cách mạng rất sớm. Ông được biết đến như là một nhà toán học, Vật lý, thiên văn học. Nhà triết học theo dòng thực chứng và là 1 nhà XHH nổi tiếng. Gia đình theo xu hướng quân chủ nhưng ông lại có tư tưởng tự do tiến bộ.

- Sinh ra ở một đất nước đầy biến động, tư tưởng của ông chịu ảnh hưởng của bối cảnh kinh tế – Xh Pháp cuối TK 18 đầu Tk 19 cũng như những mâu thuẫn giữa tôn giáo và khoa học xung đột gay gắt.

*** Tác phẩm:**

Công trình cơ bản gồm tác phẩm:

- Hệ thống chính trị học thực chứng
- Chuyên luận xã hội học về quá trình thiết chế hóa tôn giáo của nhân loại (4 tập)
- Diễn ngôn về tinh thần thực chứng (1844)
- Môn học Triết học thực chứng (Tuner và cộng sự, 2012:37)

*** *Đóng góp cụ thể:***

+ Là người đặt tên cho lĩnh vực khoa học xã hội học vào năm 1838 trong tập sách thực chứng luận xuất hiện cụm từ XHH.

+ Ông có công lớn là tách tri thức XHH ra khỏi triết học để tạo tiền đề cho sự hình thành một bộ môn khoa học mới chuyên nghiên cứu về đời sống XH của con người.

+ Về đối tượng nghiên cứu: là các quy luật của tổ chức xã hội. Là xã hội mà con người đang sống cùng với những vai trò xã hội của họ.

+ Quan niệm của ông về XHH và cơ cấu XHH. Trong bối cảnh mới ông cho rằng XHH là một lĩnh vực khoa học nghiên cứu về quy luật tổ chức đời sống XH của con người (khoa học thực tại XH)

Phương pháp nghiên cứu: Ông còn gọi XHH là vật lý học XH vì XHH có phương pháp nghiên cứu gần giống với phương pháp nghiên cứu vật lý học. Nó cũng gồm 2 lĩnh vực cơ bản: Tĩnh học XH và Động học XH

- Động học XH là bộ phận nghiên cứu hệ thống XH trong trạng thái vận động biến đổi theo thời gian

- Còn Tĩnh học XH là bộ phận nghiên cứu trạng thái tĩnh của XH và cơ cấu của XH các thành phần phân tạo lên cơ cấu và các mối quan hệ giữa chúng. Tĩnh học XH chỉ ra các quy luật tồn tại XH (động học XH chỉ ra quy luật vận động biến đổi)

+ Phương pháp nghiên cứu XHH: Ông cho rằng XHH phải vận dụng các phương pháp của KH tự nhiên để nghiên cứu XH. Nhưng về sau ông chỉ ra rằng XHH phải nghiên cứu bằng phương pháp thực chứng. Ông định nghĩa: phương pháp thực chứng là phương pháp thu thập xử lý thông tin kiểm tra giả thuyết và xây dựng lý thuyết. So sánh và tổng hợp số liệu.

Có 4 phương pháp cơ bản:

- PP quan sát
- PP thực nghiệm.

- PP so sánh lịch sử.

- PP phân tích lịch sử.

+ Quan niệm về cơ cấu XH. Ban đầu ông cho rằng cá nhân là đơn vị cơ bản nhất của cơ cấu XH (đơn vị hạt nhân). Về sau ông lại cho rằng gia đình mới là đơn vị hạt nhân của Xh và có thể coi gia đình như một tiểu cơ cấu XH.

Ông kết luận một cơ cấu XH vĩ mô được tạo thành từ nhiều tiểu cơ cấu XH đơn giản hơn. Các tiểu cơ cấu XH này tác động qua lại lẫn nhau theo một cơ chế nhất định để bảo đảm cho XH tồn tại và phát triển ổn định.

+ Cách giải thích về quy luật vận động XH, quy luật 3 giai đoạn của tư duy. Quy luật phát triển của tư duy nhân loại qua 3 giai đoạn:

- Giai đoạn tư duy thần học

- Giai đoạn tư duy siêu hình

- Giai đoạn tư duy thực chứng

Ông vận dụng quy luật này để giải thích rất nhiều hình tượng cụ thể của tư duy của XH.

Giải thích quá trình tư duy từ lúc sinh ra là xã hội hiện thực lẫn XH tinh thần đều vận động phát triển theo quy luật 3 giai đoạn: XH thần học – Xh siêu hình – XH thực chứng.

Giai đoạn XH thần học từ thế kỷ 14 trở về trước

Giai đoạn siêu hình từ thế kỷ 14 đến tk 18

Giai đoạn thực chứng sau TK 18 đến nay.

Theo ông XH vận động từ trạng thái XH này đến 1 trạng thái khác luân luân có 1 sự khủng hoảng.

Con người có thể quản lý tốt nhất XH của mình trong giai đoạn thực chứng (các nhà khoa học). Cơ chế của sự vận động này là đi lên. Trong quá trình đó có kế thừa tích lũy. Giai đoạn trước là tiền đề của giai đoạn sau.

Sau này ông cho rằng, sự vận động Xh tinh thần có trước rồi mới phản ánh sự vận động của XH hiện thực. Vì thế ông bị phê phán là duy tâm (Vì vậy cho ý thức có trước)

Mặc dù có những hạn chế nhất định về tư tưởng nhưng ông đã có những cống hiến to lớn cho việc đặt nền móng cho XHH. Do đó ông được coi là cha đẻ của XHH.

Câu 4: Hãy phân tích những đóng góp của Emile Durkheim (1858- 1917) đối với sự ra đời và phát triển của xã hội học.

E.Durkheim là một nhà xã hội học người Pháp nổi tiếng, sinh năm 1858 trong một gia đình Do Thái, mất năm 1917. Ông là người đặt nền móng xây dựng chủ nghĩa chức năng.

Ông là nhà giáo dục học, triết học, một nhà kinh tế học và là một nhà xã hội học.

Ông còn được coi là nhà sáng lập xã hội học Pháp vì ông đã có công lớn đưa trở xã hội học thành một lĩnh vực khoa học, một ngành nghiên cứu về giáo dục ở Pháp nên được coi là cha đẻ của xã hội học Pháp. Bối cảnh kinh tế xã hội Pháp ở cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX ảnh hưởng lớn đến sâu sắc đến quan điểm tư tưởng của ông về. Nhiều học giả trên thế giới thừa nhận .xhh này sinh ra trong bối cảnh đầy biến động của kinh tế – xã Pháp cuối TK XVIII đầu TK XIX. Chính Durkheim đã gọi xã hội Pháp thời kỳ này là một xã hội vô tổ chức, một chính phủ vô đạo đức. Ông cho rằng cần phải có một khoa học nghiên cứu các hiện tượng trong XÃ HỘI.Giải pháp xã hội học của ông đã được thừa nhận như vậy. Ông đã đặt ra nhiệm vụ cho xã hội học là phải nghiên cứu thực tại hiện tại xã hội để có giải pháp tổ chức lại trật tự xã hội.

Về mặt tư tưởng và khoa học, ông chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa thực chứng của A. Comte và nguyên lý tiến hoá xã hội của Spencer.

Các tác phẩm của ông bao gồm: Tự tử; Sự phân công lao động trong Xã; Các quy tắc của pháp xã; Các hình thức sơ đẳng của tôn giáo.

Về mặt đóng góp, Durkheim có rất nhiều đóng góp quan trọng cho sự ra đời và phát triển của xã hội học.

Quan niệm về xã hội học, Emile Durkheim coi xã hội là khoa học về các” sự kiện xã”. ông chỉ ra đối tượng của xã hội là các sự kiện xã.

Sự kiện xã là tất cả những cái tồn tại bên ngoài cá nhân nhưng có khả năng chi phối, điều khiển hành vi của cá nhân. Ông phân biệt 2 loại:

Sự kiện Xã vật chất và sự kiện xã phi vật chất.

Sự kiện xã vật chất là những quan hệ mà chúng ta có thể quan sát được, đo lường được thì gọi là sự kiện xã vật chất (cá nhân, nhóm Xã, tổ chức Xã, cộng đồng Xã ...)

Sự kiện xã không thể quan sát được hay khó quan sát, phải dùng đến trí tưởng tượng để hình dung ra thì gọi là sự kiện xã phi vật chất. (Quan niệm xã, giá trị chuẩn mực xã, lý tưởng niềm tin xã, tình cảm xã..)

Từ quan niệm như vậy về sự kiện xã ông nêu ra 3 đặc điểm:

* *Tính khách quan*: Tồn tại bên ngoài các cá nhân. Nhiều sự kiện xh đã tồn tại trước khi các cá nhân xuất hiện. Nó mang tính khách quan.

* *Tính phổ quát*: Là cái chung cho nhiều người (Giá trị hiệu thảo là cái phổ biến đối với nhiều người) ở đâu có con người, có sự XH hoá cá nhân thì ở đó có sự kiện xh

* Sự kiện xh có sức mạnh kiểm soát, điều chỉnh và gây áp lực đối với cá nhân. Dù muốn hay ko, các cá nhân vẫn phải tuân theo các sự kiện xh.

Theo ông xhh chính là sự nghiên cứu các sự kiện xh.

Về phương pháp nghiên cứu xhh, Ông cho rằng xhh phải vận dụng pp thực chứng để nghiên cứu. Để sử dụng hiệu quả pp này ng/cứu xhh, ông đã chỉ ra một số quy tắc cơ bản:

- *Quy tắc khách quan*: Đòi hỏi nhà xhh phải xem các sự kiện xh như một sự vật tồn tại khách quan bên ngoài cá nhân con người và nó có thể quan sát được. Nó đòi hỏi phải loại bỏ yếu tố chủ quan, ấn tượng chủ quan về các hình tượng XH trong quá trình nghiên cứu.

- Quy tắc ngang cấp: Ông kịch liệt phản đối c/n tâm lý và c/n kinh tế trong khi nghiên cứu xhh. Mà phải lấy các sự kiện xh để giải thích xh. lấy nguyên nhân xh để giải thích hiện tượng xh. lấy hiện tượng này giải thích hiện tượng khác (hiện tượng tử tử, hiện tượng nghèo đói ..)

- Quy tắc phân loại: Yêu cầu nhà xhh khi nghiên cứu hiện tượng xh cần phải phân biệt được đâu là cái bình thường phổ biến, chuẩn mực và đâu là cái khác biệt, dị thường.

Mục đích phân loại là để nhận diện. Dùng cái bất thường - dị biệt để hiểu cái bình thường. Dùng cái lệch chuẩn để hiểu cái chuẩn mực. Nhà xhh phải đối xử với chúng ngang nhau vì đó đều là sự kiện xh.

- Quy tắc phân tích tương quan: Theo ông các hiện tượng, sự kiện xh luôn tồn tại trong mối quan hệ, tác động qua lại với các sự kiện, hiện tượng xh khác. Do đó khi nghiên cứu một hiện tượng sự kiện xh cụ thể nào đó nhà xhh phải thiết lập được mối quan hệ nhân quả giữa sự kiện xh đó với sự kiện xh khác. D còn là người đưa ra khái niệm đoàn kết xh với 2 khái niệm quan trọng: sự kiện xh và đoàn kết xh.

Đoàn kết xh: là sự gắn bó, liên kết giữa các cá nhân các nhóm, các cộng đồng xh với nhau. Ông cho rằng nếu thiếu đoàn kết xh thì xh sẽ ko tồn tại với tư cách là một chỉnh thể

+ Có hai loại đoàn kết xh: Đoàn kết Cơ học và Đoàn kết hữu cơ.

* *ĐK cơ giới*: là loại đoàn kết trong đó các cá nhân gắn bó với nhau chủ yếu trên cơ sở cùng chia sẻ những giá trị tinh thần chung, chịu sự chi phối mạnh mẽ của các giá trị truyền thống, phong tục tập quán, niềm tin, tín ngưỡng, các quan hệ gia đình, dòng họ. Trong xã hội này ý thức cộng đồng được đề cao, ngược lại tính độc lập, tự chủ, vai trò của cá nhân đc kiểm chế.

* ĐK hữu cơ : Các mối liên hệ, các bộ phận trong xã hội có sự gắn bó, đoàn kết chặt chẽ. Sự phân công lao động, tính chất chuyên môn hóa đc tăng cường. Ý thức cộng đồng giảm đi trong khi đó tính độc lập, tự do cá nhân đc đề cao.

Đây là loại ĐKxh phổ biến trong xh truyền thống còn ĐK hữu cơ là ĐKXH phổ biến trong xh hiện đại.

XHH của E.Durkheim cũng đã phản ánh rõ các ý tưởng của H.Spencer về “cơ thể xã hội”, tiến hoá xã hội, chức năng xã hội. XHH E.Durkheim chủ yếu xoay quanh vấn đề mối quan hệ giữa con người và xã hội. XHH cần phải xác định đối tượng nghiên cứu một cách khoa học. Phải coi xã hội, cơ cấu Xh, thiết chế XH, đạo đức, truyền thống, phong tục, tập quán, ý thức tập thể ... như là các sự kiện Xh, các sự vật, các bằng chứng xã hội có thể quan sát được. Cần áp dụng các pp nghiên cứu khoa học như quan sát, so sánh, thực nghiệm ... để nghiên cứu, phát hiện ra các quy luật của các sự vật, sự kiện Xh. Khi giải thích hiện tượng XH ta cần phân biệt nguyên nhân gây ra hiện tượng đó và chức năng mà hiện tượng đó thực hiện - Đó là tư tưởng XHH của ông.

Câu 5: Hãy lựa chọn một đề tài nghiên cứu xã hội học và cho biết mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu, đối tượng, khaschtheer và phạm vi nghiên cứu.

Đề tài: Giá trị con cái như là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến hành vi sinh đẻ

1.Lý do chọn đề tài

Giá trị con cái là vấn đề thường được gắn liền với các nghiên cứu về dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nước ta như là một trong những nguyên nhân dẫn đến mức sinh cao trong lịch sử. Trên thực tế nó chưa trở thành một vấn đề nghiên cứu riêng biệt trong khi giá trị con cái bản thân nó sẽ giúp “nhận diện rõ hơn về hôn nhân – gia đình, xu hướng nhân khẩu học, quan hệ liên thế hệ, giới ở gia đình và xã hội”, mặt khác sẽ “gợi mở hàm ý quan trọng đối với việc hoạch định, thực hiện các chính sách công liên quan đến vấn đề gia đình, an sinh và phúc lợi xã hội” (Ngô Thị Tuấn Dung, 2012).

Raglai là một trong số ít những dân tộc duy trì chế độ mẫu hệ cho đến nay. Với đặc trưng huyết thống và thừa kế tính theo dòng mẹ, “giá trị con cái” đặt trong bối cảnh xã hội mẫu hệ Raglai sẽ có những diễn tiến khác biệt so với các nghiên cứu gia đình phụ hệ trước đây. Hơn thế trong một thời gian dài vấn đề con cái của người Raglai gắn liền với những bài toán về chính sách như: tảo hôn, sinh nhiều con, tập quán lạc hậu về sinh đẻ, khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu kém, tình trạng phân biệt đối xử con trai con gái... Trong những năm qua, sự quan tâm của Nhà nước và hàng loạt các chính sách an cư đã góp phần thúc đẩy

đời sống người dân đi lên và những vấn đề ở trên ít nhiều đã có những thay đổi. Nhưng thay đổi như thế nào và ngay trong bản thân người dân họ cảm nhận vấn đề ra sao? Với một cộng đồng “mẫu hệ phức tạp hơn phụ hệ” (Mai Huy Bích, 2010) như Raglai, sự thay đổi của hành vi sinh sản và giá trị con cái không chỉ dừng lại ở các báo cáo thường niên về dân số mà cần có những nghiên cứu đi sâu vào nhận thức, hành vi của chính người dân trong cộng đồng.

Về mặt thực tiễn, đề tài mong muốn đóng góp những thông tin mang tính phát hiện cho các công tác xây dựng chính sách về dân số và văn hóa tại địa phương. Ở khía cạnh lý luận, việc nghiên cứu về giá trị con cái trong gia đình mẫu hệ sẽ là một sự bổ xung cho nhận thức khoa học vì các nghiên cứu hiện đại thường có xu hướng khái quát mô hình phụ quyền như là đặc điểm của gia đình Việt Nam mà vô hình chung bỏ quên yếu tố đặc thù của nhóm dân tộc mẫu hệ. Trong bối cảnh của nền văn hóa của các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một trước sức mạnh của đô thị hóa, công nghiệp hóa thì việc nghiên cứu về một trong những chuẩn mực, giá trị của họ về gia đình sẽ là những tư liệu cần thiết làm phong phú thêm cho hệ thống các tri thức khoa học, đồng thời sẽ ghi nhận được những điều mà có thể trễ hơn sẽ là một sự bỏ lỡ. Đó là lý do thôi thúc tác giả thực hiện đề tài:

“Giá trị con cái như là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới hành vi sinh con của gia đình người dân tộc Raglai” (Nghiên cứu trường hợp ở xã Phước Đại, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận).

II. Đối tượng, khách thể, phạm vi nghiên cứu:

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là giá trị con cái trong gia đình người Raglai hiện nay và sự ảnh hưởng của nó đến hành vi sinh con của gia đình người Raglai ở huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

- Khách thể nghiên cứu của đề tài bao gồm những người nam giới và phụ nữ người dân tộc Raglai tại xã Phước Đại đã có gia đình ít nhất là một năm, không giới hạn độ tuổi (do cộng đồng này kết hôn sớm).

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Phạm vi thời gian: Cuộc nghiên cứu tìm hiểu vấn đề trong bối cảnh hiện nay, tính từ thời điểm bắt đầu nghiên cứu. Bên cạnh đó là một số thông tin mang tính hồi cố đối với người cao tuổi được hỏi về quá khứ.

+ Phạm vi không gian: Xã Phước Đại, huyện Bác Ái (xã có tỉ lệ người dân tộc thấp nhất, khoảng 70%, sống xen kẽ với người Kinh, Chăm, là trung tâm của huyện Bác Ái).

III. Mục tiêu nghiên cứu:

Nghiên cứu nhằm đạt được những hiểu biết tương đối có hệ thống và có mục đích khai phá về chủ đề giá trị con cái và ảnh hưởng của nó đối với hành vi sinh đẻ của đồng bào Raglai, nhằm đóng góp thêm cứ liệu khoa học cho lý luận về giá trị con cái, đồng thời là dịp áp dụng các cách tiếp cận lý thuyết và phương pháp nghiên cứu xã hội học về dân tộc Việt Nam trong bối cảnh biến chuyển xã hội.

VI. Câu hỏi nghiên cứu:

Để đạt mục tiêu nghiên cứu ở trên, một số câu hỏi nghiên cứu được đặt ra như sau:

Câu hỏi 1: Những đặc điểm về điều kiện sống và những đặc trưng truyền thống của người Raglai ở Bắc Ái như thế nào?

Những đặc trưng văn hóa xã hội của cộng đồng Raglai đã thay đổi như thế nào, những yếu tố nào còn được giữ lại, những yếu tố nào mất đi? Chúng có ảnh hưởng thế nào tới nếp nghĩa của họ trong bối cảnh hiện nay?

Câu hỏi 2: Ý nghĩa về đưa con đối với người Raglai như thế nào? Quan niệm về số con cần có trong gia đình? Sự khác biệt về quan niệm về giới tính và nhóm tuổi như thế nào? Điều gì tạo ra sự khác biệt này? Có sự khác biệt nào trong quan niệm giữa các thế hệ?

Câu hỏi 3: Số con thực tế và những nét đặc trưng trong hành vi sinh con của người Raglai như thế nào? Vì sao lại có sự khác nhau đó? Có các loại hành vi/hành động nào được nhận diện ở đây?

Câu hỏi 4: Sự tác động của yếu tố giá trị con cái lên hành vi sinh con của người Raglai như thế nào? Điều gì ảnh hưởng đến mối quan hệ đó?

Câu 6: Tài liệu là gì? Trình bày phương pháp nghiên cứu tài liệu, các cách phân tích tài liệu trong nghiên cứu xã hội học. Hãy cho biết các ưu, nhược điểm của phương pháp phân tích tài liệu.

Tài liệu: là đồ vật, phim ảnh, băng hình hoặc chữ viết, kí tự... nhằm cung cấp thông tin cho người nghiên cứu. tài liệu có nhiều dạng căn cứ theo các tiêu chí khác nhau, như: tài liệu sơ cấp- thứ cấp, tài liệu văn tự- phi văn tự, tài liệu bản chính- bản sao...

Phương pháp phân tích tài liệu: là phương pháp sử dụng những thông tin đã có sẵn nhằm đáp ứng mục tiêu của một đề tài nghiên cứu. khi sử dụng phương pháp này, người nghiên cứu cần cân nhắc và lựa chọn sử dụng nguồn thông tin đáng tin cậy, đảm bảo tính khách quan và tính khoa học.

Ưu điểm của phương pháp phân tích tài liệu:

+ Do sử dụng nguồn thông tin có sẵn nên ít tốn kém về thời gian, công sức và kinh phí mà không cần sử dụng nhiều người.

Nhược điểm:

+ Tài liệu ít được phân chia theo những dấu hiệu mà ta mong muốn, nên khó tìm được nguyên nhân và mối quan hệ của các dấu hiệu.

+ Số liệu thống kê chưa được phân bổ theo các cấp, các loại mà nghiên cứu cần

+ các tài liệu chuyên ngành đòi hỏi phải có chuyên gia có trình độ cao.

Các loại phân tích tài liệu:

+ Phân tích định tính: Tìm hiểu bản chất tư liệu được phân tích, cho phép hiểu được những nội dung tài liệu, nguồn gốc và logic lập luận của những ý tưởng được đưa ra trong tài liệu. Phân tích định tính bao gồm phân tích bên ngoài – phân tích bối cảnh lịch sử và phân tích bên trong – nghiên cứu nội dung.

+ Phân tích định lượng: Là việc tìm các dấu hiệu, các phạm trù để đo lường những đặc điểm, thuộc tính của tài liệu phản ánh những khía cạnh chủ yếu của nội dung.

+ Ngoài ra còn phân tích thứ cấp, phân tích nội dung, phân tích các số liệu thống kê sẵn có và nghiên cứu lịch sử.

Câu 7: Thế nào là câu hỏi đóng, câu hỏi mở? Lấy ví dụ phân tích để làm rõ điểm mạnh, yếu của các câu hỏi đóng mở

1) **Câu hỏi đóng:** là câu hỏi đã có sẵn các phương án trả lời khác nhau, người trả lời chỉ cần đánh dấu vào phương án nào phù hợp với suy nghĩ, quan điểm của cá nhân. Câu hỏi đóng gồm:

- **Câu hỏi đóng lựa chọn:** là câu hỏi mà có phương án trả lời loại trừ nhau. Vì thế người trả lời chỉ được lựa chọn 1 phương án

Ví dụ: Buổi tối bạn thường đi ngủ lúc mấy giờ: trước 10h; 10-11h; 11-12h; sau 12h

- **Câu hỏi đóng “có- không”:** là câu hỏi có 2 phương án trả lời: có or không

Ví dụ: Bạn có phải dân tộc Kinh không?

- **Câu hỏi đóng tùy chọn:** người trả lời có thể chọn một hay nhiều phương án trả lời được đưa ra

Ví dụ: theo bạn vì sao hiện có nhiều sinh viên thức khuya?

+ Do có nhiều bài tập phải học

- + Do chơi game
- + Do sử dụng mạng xã hội
- + Do thói quen
- + Do không gian xung quanh ồn ào

2) Câu hỏi mở: là câu hỏi chưa có phương án trả lời người trả lời đưa ra cách trả lời riêng của mình

Ví dụ: Bạn có giải pháp gì giúp hạn chế tình trạng thức khuya ở sinh viên hiện nay?

	Điểm mạnh	Điểm yếu
Câu hỏi đóng	<ul style="list-style-type: none"> - Dễ dàng tiến hành trả lời - Dễ dàng so sánh phương án trả lời của người tham gia bản hỏi - Các phương án trả lời dễ mã hóa - Người trả lời thoải mái hơn khi trả lời các vấn đề nhạy cảm - Hạn chế các câu trả lời không liên quan hoặc gây khó hiểu 	<ul style="list-style-type: none"> - Hạn chế sự sáng tạo của người trả lời - Người trả lời nếu không có ý kiến hoặc tri thức sẽ khó tìm được phương án trả lời - Đôi khi khó phân biệt sự khác nhau giữa các phương án trả lời
Câu hỏi mở	<ul style="list-style-type: none"> - Người trả lời có thể đưa ra các phương án sáng tạo chi tiết - Câu hỏi mở giúp người nghiên cứu phát hiện những điều không định trước - Cung cấp các phương án trả lời nhiều thông tin và thông tin đa chiều 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc thống kê, so sánh các kết quả sẽ khó khăn - Mã hóa các phương án trả lời cũng khó khăn hơn - Các phương án trả lời đôi khi không liên quan và có ích với người nghiên cứu

Câu 8: Trình bày định nghĩa hành động xã hội và phân tích quan điểm của Weber về cách phân loại hành động xã hội

Hành động xã hội

Xét trên phương diện triết học hành động xã hội chính là một hình thức hoặc cách thức giải quyết các mâu thuẫn, vấn đề xã hội, hành động xã hội được tạo ra bởi các phòng trào xã hội, các tổ chức, đảng phái chính trị....

Xét theo xã hội học, hành động xã hội được hiểu cụ thể hơn và thường gắn với các chủ thể hành động.

Định nghĩa hành động xã hội học M. Weber được coi là hoàn chỉnh nhất. Theo ông “Hành động xã hội là hành động mà chủ thể gán cho nó những ý nghĩa chủ quan nhất định, ý nghĩa chủ quan đó hướng tới người khác trong quá trình hành động và định hướng hành động của chủ thể”

Quan điểm của Weber về cách phân loại hành động xã hội

- Hành động duy lý công cụ. là hành động hướng đến việc theo đuổi mục đích thông qua việc tính toán các lợi thế và bất lợi của các phương tiện có thể đạt tới mục đích đó. VD: công nhân đình công đã tính đến lợi thế là tạo sức ép với giới chủ để tăng lương nhưng cũng gặp bất lợi là có thể mất việc.

- Hành động duy lý giá trị. Là những hành động vẫn tính đến công cụ và phương tiện thực hiện hành động nhưng vẫn chịu ảnh hưởng bởi các giá trị và chuẩn mực đã được giáo dục ăn sâu vào tiềm thức cá nhân. Cá nhân không cần nhiều thời gian để tính toán và thực hiện hành động bởi họ đã được định hướng bởi các giá trị sẵn có.

- Hành động truyền thống. Đó là những hành động tuân thủ theo những thói quen, nghi lễ, phong tục lâu đời. Ví dụ như tổ chức đám giỗ linh đình, mê tín dị đoan

- Hành động theo cảm xúc. Là hành động bộc phát không có sự tính toán về phương tiện đạt mục đích mà hoàn toàn phụ thuộc vào cảm xúc chủ quan... Ví dụ như do tức ai đó mà đánh làm người ta phải đi viện...

Weber cho rằng tất cả các loại hành động của con người đều thuộc một trong bốn loại hành động này. Tuy nhiên, sự tồn tại của bốn loại hành động này không phải độc lập với nhau mà chúng đan xen, bổ trợ và đặc biệt trong thực tiễn ranh giới giữa các hành động không phải lúc nào cũng có thể minh định được.

Câu 9: Trình bày khái niệm tương tác xã hội và một số quan điểm lý thuyết tương tác (lý thuyết trao đổi xã hội, lý thuyết tương tác biểu trưng)

Tương tác xã hội là khái niệm chỉ quá trình hành động xã hội liên tục giữa các chủ thể hành động. Có thể nói rằng, xã hội học nghiên cứu về mối quan hệ tương tác xã hội và mối tương tác ấy chỉ được hình thành trong những hoạt động xã hội của con người.

Theo Đơborianop (nhà xã hội học Hungary) loài người có 5 loại hoạt động xã hội: hoạt động xã hội sản xuất vật chất, hoạt động văn hóa, hoạt động tái sản xuất xã hội, hoạt động xã hội quản lý xã hội, hoạt động giao tiếp xã hội.

Theo Simmel (nhà Xã hội học Đức gốc Do Thái), tương tác xã hội trước hết là 1 khái niệm lý thuyết nhận thức và do vậy không hạn chế ở việc mô tả các hành vi xã hội mà là sự tác động qua lại giữa

các bộ phận của thực tiễn. Sự cấu thành của 1 xh là tổng thể các tác động qua lại, là 1 quá trình biến đổi bởi những mong muốn, lợi ích và mục đích của cá nhân và các cấu trúc xh.

Khái niệm tương tác xh còn đc nghiên cứu như là 1 hệ thống lý thuyết về tương tác xh, đó là:

***Lý thuyết tương tác biểu trưng:** với đại biểu là George Hebert Mead, nhà tâm lý học, xhh người Mỹ.

Theo lý thuyết này thì:

Đặc tính cá nhân tạo nên thông qua sự tương tác và chính kết quả của sự tương tác này mà tạo thành hành động cá nhân đc định hình (đặc tính quyết đoán, điềm đạm, ôn hòa, bản tính, nóng nảy...)

Để hiểu đc ý nghĩa của hành động, cử chỉ của người khác phải đặt mình vào vị trí của người đó.

Con người xây dựng nên các biểu tượng, các kí hiệu trong quá trình tương tác, con người gán cho các sự vật, các hiện tượng kể cả ngôn ngữ, chữ viết, những ý nghĩa, những sắc thái biểu cảm nào đó để diễn đạt 1 nội dung giao tiếp.

Chẳng hạn: màu tím chỉ sự thủy chung.

Giơ tay là đầu hàng

Qùy gối là thuận phục...

Nhược điểm của lý thuyết này là quy tắt cả các tương tác xh về tương tác cá nhân (nếu các cá nhân ở 2 nền văn hóa khác nhau thì sự tương tác khó có thể xảy ra).

***Lý thuyết về trao đổi xh:**

Đây là 1 dòng tư tưởng chính trong lý luận xh đương đại Mỹ, ra đời vào cuối những năm 50 của thế kỉ XX, suy yếu vào những năm 70. Lý thuyết này hướng vào việc nghiên cứu hiện tượng trao đổi trong quan hệ giữa người với người. Những người đề xướng lý luận này phải kể đến:

George Caspar Homans (1910-1989) nhà xhh người Mỹ.

Theo ông, chủ nghĩa ích kỉ, hưởng lợi, tránh hại là nguyên tắc căn bản của hành vi con người, do đó sự tương tác giữa người với người về cơ bản là 1 quá trình trao đổi. Sự trao đổi này bao gồm cả tình cảm, vật chất và các giá trị xh khác như địa vị, sự công bằng... Trong quá trình tương tác giữa các cá nhân luôn có xu hướng cân bằng giữa trao và nhận.

Tiếp theo Hormans, Peter Blau, nhà xã học Mỹ gốc Áo (1918), trong cuốn sách “Sự trao đổi và quyền lực trong đời sống xã hội”, xuất bản 1964, đã trình bày rất sâu sắc về lý thuyết trao đổi đương thời. Ông cho rằng trao đổi xã hội là 1 dạng hữu hạn, là hoạt động mang tính tự nguyện của cá nhân trong quan hệ qua lại nhằm có được sự báo đáp. Quan hệ này tồn tại trong cộng đồng hay đoàn thể có quan hệ mật thiết, được xây dựng trên cơ sở tín nhiệm lẫn nhau. Blau phân chia hình thức trao đổi thành trao đổi kinh tế và trao đổi xã hội, hơn thế nữa Blau còn cho rằng có thể giải thích các hiện tượng xã hội như quyền lực và bất bình đẳng bằng quá trình trao đổi.

Bên cạnh đó còn phải kể đến Vimax, bác sĩ tâm lý người Hungary.

Theo ông, trong quan hệ qua lại giữa người với người nói chung (trong hôn nhân nói riêng, diễn ra việc trao đổi các giá trị khác nhau, từ giá trị vật chất đến những giá trị khác của con người (nhân sắc, tri thức, sức khỏe...)

Mỗi người chuộc những giá trị nhất định và tìm người có cái đó, sự ưng thuận qua lại có thể đạt được trong trường hợp cả hai phía đều cho rằng họ bổ sung và học hỏi lẫn nhau và không ai cảm thấy mình nhận được ít hơn cái mà mình đã cho người kia.

Nhưng khi các giá trị thay đổi người ta bắt đầu chú tâm đến những kém cỏi, khiếm khuyết của nhau, hôn nhân bắt đầu rơi vào tình trạng khủng hoảng.

Câu 10. Phân tích định nghĩa vị thế xã hội? Đặc điểm của vị thế xã hội? Các kiểu vị thế xã hội? Lấy ví dụ phân tích cụ thể.

Định nghĩa về vị thế xã hội.

➤ Cách hiểu thứ nhất: vị thế xã hội là vị trí ở trong một nhóm hay một xã hội

Với cách hiểu này, vị trí và vị thế xã hội đồng nghĩa với nhau bởi chúng cùng cho biết vị trí đứng của một người trong cấu trúc xã hội

Ví dụ: vị trí/ vị thế của một người có thể là mẹ chồng khi đặt ng đó trong mối liên hệ với con dâu; nhưng đồng thời người đó lại là con gái, là vợ, là bạn.. khi đặt trong các mối quan hệ với ng khác.

Mỗi cá nhân đều cùng lúc có nhiều vị trí/ vị thế xã hội

Điểm giao nhau giữa các vị trí tương đối trở thành chỗ đứng cho cá nhân trong xã hội.

➤ Cách hiểu thứ 2:

Trong cách hiểu thứ 2, có sự phân biệt giữa vị trí xã hội và vị thế xã hội. Cụ thể là: Vị trí xã hội không ngụ ý về trật tự hoặc thứ bậc, còn vị thế xã hội lại nhấn mạnh khía cạnh xếp loại của địa

vị và các nhóm địa vị: “ địa vị xã hội liên quan đến một sự sắp xếp của cá nhân với sự kính trọng về một vài đặc điểm xã hội quan trọng”

Khi con người ở vào mỗi vị trí xã hội, họ sẽ có những quyền lợi và đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ tương ứng với vị trí xã hội đó. Các quyền lợi và nghĩa vụ tương ứng với một vị trí xã hội được gọi là vị thế/ địa vị xã hội.

Trong các tương tác xã hội, chúng ta thực hiện các hành động theo mà những người khác mong đợi về vị trí mà chúng ta đang nắm giữ đồng thời chúng ta cũng mong chờ các hành động phù hợp của họ đối với chúng ta.

Ví dụ: vị trí người giáo viên có thể mong đợi rằng các sinh viên sẽ đi học đầy đủ, đúng giờ, chăm chú nghe bài, hăng hái phát biểu.. đồng thời sinh viên sẽ mong muốn ở giảng viên có một bài giảng, phương pháp giảng dạy dễ nghe dễ hiểu, đánh giá công bằng với kết quả học tập.

Như vậy, vị trí xã hội là vị trí tương đối của một cá nhân trong một hệ thống xã hội. Vị trí chỉ là sự định vị cá nhân trong xã hội đó và không có sự phân chia cao thấp. Trong khi đó, vị thế xã hội là vị trí xã hội gắn với quyền lợi và trách nhiệm do vậy nó có sự phân chia cao thấp.

VD: Anh A và chị B đều có vị trí là nhân viên của một công ty. Nhưng chị B có năng lực làm việc tốt hơn nên được giao nhiệm vụ và quyền lợi cao hơn, do vậy có vị thế cao hơn.

Các kiểu vị thế xã hội

Vị thế gán cho

Có thể hiểu đó là các vị trí xã hội gắn liền với các yếu tố tự nhiên bẩm sinh: giới tính, chủng tộc, nơi sinh, dòng họ

Con người không thể chọn lựa cho mình nguồn gốc. Người ta sinh ra đã mang giới tính Nam hoặc Nữ, da Trắng hay da Màu, quý tộc hoặc bình dân.

Những vị thế mà con người được gán sẵn ngay từ khi sinh ra hoặc vô tình đảm nhận trong một thời điểm bất kỳ nào đó trong diễn tiến cuộc đời được gọi là vị thế gán cho.

Vị thế gán cho đã có sẵn trong cấu trúc xã hội mà cá nhân không thể cưỡng lại được. Những vị thế này gắn bó vĩnh viễn với cá nhân và không thể thay đổi. Ý nghĩa xã hội của các vị thế gán cho không nhất thiết phải giống nhau ở mọi xã hội.

Ví dụ: Một đứa trẻ sinh ra trong gia đình hoàng tộc sẽ có được một tước hiệu gắn theo nó (công tước, hầu tước, hoàng tử, công chúa) mà không phải mất một chút nỗ lực nào. Tuy có vị thế cao hơn nhiều so với người khác, nhưng cuộc đời đứa bé trong tương lai sẽ

phải đi theo một đường kẻ được vạch sẵn mà bản thân không hề muốn hay có quyền quyết định.

Vị thế đạt được

Vị thế đạt được là những vị trí xã hội mà cá nhân giành được trong quá trình hđ sống, là kiểu vị thế có được trên cơ sở của sự lựa chọn và phân đấu cá nhân, nhờ năng lực và sự cố gắng của họ

Vị thế đạt được phản ánh sự nỗ lực của cá nhân, do đó con ng có thể thay đổi được vị thế này. Tuy nhiên, vị thế đạt được cũng chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những vị thế gán cho. Ví dụ: Một người da màu (châu Á, châu Phi) cho dù rất có khả năng và được trọng dụng ở nước mình, nhưng nếu muốn thành công ở một số nước phương Tây (đặc biệt là Mỹ) là điều vô cùng khó khăn bởi sự phân biệt chủng tộc ít nhiều vẫn tồn tại. Vì lẽ đó mà vị thế mà người đó muốn đạt được cũng bị ảnh hưởng

Ví dụ:

1. Sinh viên: là vị thế mà một thanh niên phải trải qua 12 năm học tập, trau dồi kiến thức để đạt được

2. Thủ tướng của một nước là một vị thế cực cao mà đòi hỏi người nắm giữ phải có những phẩm chất hơn người (tài lãnh đạo, hiểu biết về chính trị. đạo đức), những đức tính ấy không thể chỉ trong một, hai ngày mà có được mà phải trải qua nhiều năm tháng học tập và rèn luyện.

Vị thế vừa gán cho vừa đạt được

- Là sự kết hợp của cái tự nhiên vốn có và sự tự nỗ lực của bản thân
- Ví dụ: vị thế của 1 hoa hậu, hay ca sĩ, diễn viên

Vị thế chủ chốt (vị thế chính)

Cùng một thời điểm con ng có thể có nhiều vị thế xh khác nhau, song trong đó sẽ có một vị thế chủ chốt. Vị thế chủ chốt là 1 vị thế hạt nhân, cốt lõi hoặc vị thế chính yếu mà nó có 1 tác dụng quan trọng trong các tương tác và các quan hệ của cá nhân với những ng khác

Đây là vị thế quyết định sự nhận diện về một cá nhân trong xã hội, có ý nghĩa nhiều mặt về xã hội đối với mỗi cá nhân. Tùy thuộc vào từng nền văn hóa mà vị thế này sẽ là vị thế gán cho hay vị thế đạt được.

Ví dụ:

Vị thế chủ yếu:

Là những vị thế không giữ vai trò cơ bản, chủ đạo trong việc quyết định đặc điểm, hành vi xh của cá nhân

Ví dụ: một người phụ nữ rất thành công trong công việc nhưng bù lại phải dành nhiều thời gian cho công việc, do đó thời gian dành cho gia đình ít đi, khiến ng đó không hoàn thành nghĩa vụ của một ng vợ, ng mẹ trong gia đình...

Đặc điểm của vị thế xã hội:

- Vị thế là kết quả của các nhu cầu, mối quan tâm và sự đánh giá của xã hội đối với vị trí xã hội
- Vị thế thường phải ánh một quyền lực nhất định
- Vị thế của mỗi cá nhân chỉ mang tính tương đối, con người có thể thay đổi một số vị thế xã hội của mình trong diễn tiến cuộc sống và tập hợp các vị thế của mỗi con người tại các thời điểm khác nhau cũng khác nhau
- Sự đánh giá khác nhau của xã hội về mỗi vị thế cho biết về sự phân tầng trong xã hội đó.
- Vị thế thường có một số đặc quyền nhất định
- Vị thế phản ánh một mức độ uy tín nhất định.
- Vị thế không thể tồn tại tách biệt khỏi các vai trò.

Câu 11: Trình bày khái niệm vai trò xã hội và đặc trưng vai trò xã hội. Lấy ví dụ phân tích về xung đột vai trò và căng thẳng vai trò

Vai trò xã hội là: “Vai trò là tập hợp hành vi hoặc các mô hình hành vi gắn với vị thế cá nhân để khẳng định bản sắc cá nhân và thuộc phạm trù của một quá trình tương tác giữa cá nhân và cấu trúc xã hội” (Akoun và Ansart). Vai trò gắn liền với vị trí và vị thế, là mô hình hành vi mà xã hội trông đợi ở một vị thế.

VD: Một người có vị thế là một giáo viên thì sẽ có vai trò giảng dạy, truyền đạt kiến thức cho học sinh,..

Đặc trưng của vai trò xã hội:

Vai trò là một khía cạnh động của vị thế xã hội. Nếu như vị thế xã hội được cá nhân nắm giữ thì vai trò xã hội được cá nhân thực hiện. Khi ở vị thế của bác sĩ thì hành vi khám, chữa bệnh cho bệnh nhân sẽ được thực hiện.

Vai trò xã hội luôn gắn liền với vị thế xã hội. Mỗi vị thế xã hội sẽ quy định các hành vi mà cá nhân cần thực hiện. Với vị thế là một người mẹ thì các hành vi như chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cái, hỗ trợ hội nhập nghề nghiệp .. là các hành vi cần thực hiện.

Việc thực hiện vai trò xã hội là một khía cạnh văn hóa. Chính các giá trị, chuẩn mực xã hội quy định việc thực hiện vai trò xã hội của cá nhân.

Vai trò xã hội mang tính tương đối. Với cùng một vai trò xã hội, song mỗi xã hội và nền văn hóa có thể có những chuẩn mực khác nhau cho các hành vi mà các cá nhân cần thực hiện. Ví dụ, khi ở vào vị thế “người con” theo văn hóa VN, vai trò phải thực hiện là “phụng dưỡng”, “chăm sóc”.. cha mẹ khi cha mẹ tuổi cao sức yếu. Trong khi đó, theo văn hóa phương Tây, vai trò chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ thường mờ nhạt hơn do người cao tuổi nào cũng có lương hưu đã xác định trong hệ thống an sinh xã hội và phúc lợi xã hội của họ.

Xung đột vai trò và căng thẳng vai trò

Xung đột vai trò: là kết quả khi cá nhân đối diện với những mong đợi trái chiều, xuất phát từ việc họ phải nắm giữ hai hay nhiều vị thế cùng một lúc.

VD: Trong xã hội hiện đại, nhiều người phụ nữ có xu hướng tự lập, ngoài việc chăm sóc gia đình họ cũng có công việc, nghề nghiệp riêng. Tuy nhiên, do phải đảm nhận cả hai vai trò là vừa chăm sóc cho gia đình con cái vừa phải hoàn thành công việc của mình nên nhiều lúc người phụ nữ bị rơi vào xung đột vai trò.

Căng thẳng vai trò: Là trường hợp xảy ra khi cá nhân nhận thấy những trông đợi đối với một vai trò nào đó là không thích hợp, bởi thế họ khó khăn khi thực hiện vai trò đó.

VD: Khi là một lớp trưởng có nhiều yêu cầu được đặt ra buộc lớp trưởng phải thực hiện như phải quản lý mọi mặt đời sống học tập trong lớp, nắm rõ tình hình của từng thành viên, lên kế hoạch, dẫn dắt lớp,.. Do vậy mà có nhiều bạn lớp trưởng dễ rơi vào tình trạng căng thẳng vai trò.

Câu 12: Trình bày khái niệm về quyền lực xã hội và phân tích quan điểm của Weber về quan điểm quyền lực xã hội

Định nghĩa

Quyền lực là khả năng của cá nhân hoặc nhóm thay đổi thái độ, quan điểm, hành vi của cá nhân khác, nhóm khác. Quyền lực là khả năng của các cá nhân hoặc nhóm trong việc tác động lên sự kiện, sự việc nhằm thay đổi sự kiện, sự việc theo cách nào đó.

Quan điểm của Max Weber về quyền lực

Cho rằng quyền lực không phải một sự vật mà là một quan hệ. Đó là quan hệ giữa những người tham gia vào hành động chung.

Định nghĩa của Weber cho thấy hai đặc điểm quan trọng của quyền lực: Thứ nhất, quyền lực đề cập đến khả năng, không phải sự chắc chắn. Thứ hai, quyền lực phải ảnh hưởng đến năng lực thực hiện điều gì đó. Theo Max Weber có 3 nguồn gốc tạo ra quyền lực:

- *Quyền lực truyền thống*: Quyền lực được hợp pháp hóa thông qua sự tôn trọng những khuôn mẫu văn hóa được thiết lập lâu đời (Sự truyền ngôi lại cho con trong thời phong kiến)
- *Quyền lực lôi cuốn*: Là loại quyền lực bắt nguồn từ những đặc điểm cá nhân, đây là loại quyền lực do sự ngưỡng mộ, tôn sùng đối với một cá nhân nào đó (Adolf Hitler)
- *Quyền lực duy lý*: Mang tính pháp lý, là loại quyền lực được hợp pháp hóa thông qua những luật lệ và quy định chính thức về mặt pháp lý. Hiện nay, loại quyền lực duy lý ngày càng phổ biến và dần thay thế quyền lực truyền thống và lôi cuốn. (VD: Qua bầu cử, ông Donald Trumb được lên làm tổng thống nước Mỹ và nắm quyền điều hành, dẫn dắt đất nước,..)

Câu 13: Trình bày khái niệm về phân tầng xã hội và phân tích các đặc điểm của phân tầng xã hội theo quan điểm của John Macionis

Khái niệm:

Tầng xã hội là tổng thể, tập hợp những cá nhân có cùng hoàn cảnh trong xã hội, họ giống nhau hay bằng nhau về địa vị kinh tế, chính trị, xã hội về khả năng thăng tiến cũng như giành được những ân huệ hay vị trí trong xã hội.

Phân tầng xã hội là sự phân chia các cá nhân trong xã hội thành các tầng/lớp nhất định, trong đó mỗi tầng xã hội bao gồm những cá nhân mang đặc điểm chung hay có sự ngang bằng nhau về phương diện nào đó, chẳng hạn như của cải, vị trí xã hội, tuổi tác, uy tín, quyền lực.

Đặc điểm của phân tầng xã hội theo quan điểm của John Macionis:

- Phân tầng xã hội là một đặc điểm xã hội chứ không đơn thuần là sự khác biệt giữa các cá nhân
- Phân tầng xã hội chuyển từ thế hệ này sang thế hệ khác
- Phân tầng xã hội phổ biến ở mọi nơi
- Phân tầng xã hội không chỉ liên quan đến bất bình đẳng xã hội mà còn liên quan đến niềm tin.

Câu 14: Trình bày khái niệm di động xã hội và phân tích quan điểm của Giddens về di động xã hội

Định nghĩa:

Di động xã hội là sự di chuyển của cá nhân/ nhóm xã từ một vị trí xã đến một vị trí xã khác.

Là khái niệm xã hội học dùng để chỉ sự chuyển động của những cá nhân, nhóm xã hội trong cơ cấu xã hội và hệ thống xã hội. Di động xã hội liên quan đến sự vận động của con người từ một vị trí xã hội này đến một vị trí xã hội khác trong hệ thống phân tầng xã hội. Thực chất di động xã hội là sự thay đổi vị trí trong hệ thống phân tầng xã hội. Vấn đề di động xã hội liên quan tới việc các cá nhân giành vị trí, địa vị xã hội, liên quan tới điều kiện ảnh hưởng tới sự biến đổi cơ cấu xã hội. Nội hàm của di động xã hội: Là sự vận động của cá nhân hay một nhóm người từ vị thế xã hội này sang vị thế xã hội khác; là sự di chuyển của một con người, một tập thể, từ một địa vị, tầng lớp xã hội hay một giai cấp sang một địa vị, tầng lớp, giai cấp khác. Di động xã hội có thể định nghĩa như sự chuyển dịch từ một địa vị này qua một địa vị khác trong cơ cấu tổ chức

ví dụ: từ nhiên viên (phần đầu)-> trưởng phòng -> Giám đốc. Ngược lại

Quan điểm của Giddens về di động xã hội:

➤ Di động theo chiều ngang:

Là sự di động trên cùng một mặt bằng xã hội. Là sự dịch chuyển của cá nhân hay nhóm xã hội từ vị trí này sang vị trí khác cùng nhóm (hay tầng) xã hội. Ví dụ: giám đốc nhà máy A- dịch chuyển, sang làm giám đốc nhà máy B (địa vị không thay đổi “giám đốc”) [cái này ms là quan điểm của Giddens, m nên đọc trong sách trang 251, 252 để hiểu chứ t không hiểu nên t viết mấy cái di chuyển khác]

➤ Di động theo chiều dọc:

Là sự thay đổi vị trí, địa vị xã hội của cá nhân (hay nhóm xã hội) theo chiều đi lên (sự thăng tiến) hay đi xuống (sự thụt lùi). Ví dụ: giám đốc- sự thăng tiến – trở thành bộ trưởng

+) Giám đốc- sự thụt lùi- trở thành nhân viên

⇒ Di động theo chiều dọc: nhấn mạnh đến sự vận động, sự thay đổi về chất, liên quan trực tiếp đến vị trí, địa vị và vai trò của mỗi cá nhân, mỗi nhóm xã hội.

➤ Di động theo cơ cấu:

Là sự thay đổi vị trí, địa vị của một nhóm người do kết quả của những thay đổi trong cơ cấu kinh tế, chính trị, xã hội (thường xuất hiện trong các xã hội có những đột biến, binh biến, cách mạng xã hội hoặc cách mạng về kinh tế...). Ví dụ: sự thay thế một bộ máy lãnh đạo mới => Sự thay đổi vị trí, vị trí của một nhóm cán bộ

➤ Di động thể hệ:

Di động giữa các thế hệ cũng có nghĩa là xu hướng duy trì và phát triển của mỗi tầng lớp xã hội nhất định nhằm gìn giữ, tiếp nối các địa vị, quyền lực xã hội, hoặc kế thừa nghề nghiệp, tài sản trong mối quan hệ trước – sau (thế hệ cha – con) giữa các thế hệ.

Di động trong thế hệ: đó là những thay đổi về học vấn, về cuộc sống và nghề nghiệp, tạo ra sự chênh lệch hơn, kém giữa các cá nhân, nhóm xã hội trong cùng một thế hệ (thường nhờ những cơ may, sự giáo dục hoặc tính năng động của mỗi cá nhân)

➤ Sự khép kín xã hội:

Tính di động ở đây thể hiện trong xu hướng bảo toàn nhóm (hoặc tầng) xã hội chống lại sự xâm nhập của các thành viên thuộc nhóm (tầng) khác trên 2 khía cạnh:

- Sự cố kết, bảo vệ quyền lợi của các tầng lớp trên, ngăn chặn sự thâm nhập từ bên ngoài.
- Sự bị dồn ép, bị khép kín của các tầng lớp dưới trong các điều kiện xã hội thấp hèn.
- Sự khép kín từ 2 góc độ trên đều mâu thuẫn với bản chất của xã hội là luôn vận động, là nghịch lý của di động xã hội. Sự khép kín sẽ bị phá vỡ.

Câu 15: Trình bày khái niệm của lệch chuẩn và lấy ví dụ để phân tích các chức năng của lệch chuẩn

Định nghĩa

Chuẩn mực xã hội là sự định hướng cho hành động của chúng ta, cơ sở để chúng ta đánh giá hành động của người khác. Lệch chuẩn xã hội là những hành vi vi phạm chuẩn mực xã hội.

Lệch chuẩn xã hội là những hành vi đi chệch với sự mong đợi của số đông, hay sự vi phạm các chuẩn mực xã hội.

Định nghĩa của Bilton và các đồng sự: là “sự vi phạm các chuẩn mực được chấp nhận hoặc các quy tắc của một nhóm hay của xã hội, về một người lệch lạc như một kẻ vi phạm các tiêu chuẩn đã được coi là được thừa nhận”.

Có nhiều sự hiểu nhầm thông thường về bản chất của lệch chuẩn vì bản chất của nó lại phức tạp hơn định nghĩa bề mặt rất nhiều

- + Theo Goode (1997): quy việc đánh giá lệch chuẩn vào hai cặp tiêu chuẩn đúng/sai và tốt/xấu
- + Một hiểu nhầm khác: cho rằng đây là hiện tượng có tính bệnh lý, bất bình thường của xã hội.

Chức năng của lệch chuẩn xã hội

* Emile Durkheim cho rằng tội phạm và lệch chuẩn là một bộ phận không thể thiếu của một cơ thể xã hội khỏe mạnh, và chỉ ra 3 chức năng tích cực của hiện tượng này đối với xã hội.

Chức năng tích cực

Lệch chuẩn xã hội góp phần củng cố, tăng cường các giá trị, chuẩn mực xã hội

Sự tồn tại của nó có chức năng củng cố ý thức của con người trong xã hội về các giá trị chuẩn mực mà họ tin tưởng. VD trong giáo trình trang 260

Lệch chuẩn xã hội góp phần tăng cường tính đoàn kết hay tinh thần tập thể

Các thành viên trong một nhóm xã hội nhất định có xu hướng xem những giá trị, chuẩn mực khác biệt với giá trị, chuẩn mực của nhóm là các lệch chuẩn xã hội =>

củng cố thêm niềm tin và tăng cường sức mạnh của những giá trị, chuẩn mực đã được tạo lập và thừa nhận trong nhóm.

giúp các thành viên trong một nhóm nhận thức rõ hơn sự giống nhau giữa họ, và sự khác biệt với nhóm khác, từ đó làm tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm. VD: cái này không hiểu lắm

Lệch chuẩn xã hội có thể dự báo và đem lại một sự thay đổi cho xã hội

Một số lệch chuẩn lại mang đến cho xã hội những thay đổi tích cực và cần thiết cho sự phát triển. VD trong giáo trình trang 261

Chức năng tiêu cực:

2 hệ quả tiêu cực của lệch chuẩn xã hội ảnh hưởng tới sự thực hiện chức năng của xã hội:

- Hệ quả thứ nhất: việc phá vỡ hoặc thay đổi cấu trúc xã hội
- Hệ quả thứ hai là sự suy giảm niềm tin xã hội vào công bằng, lẽ phải, sự đúng sai,...

Câu 16: Trình bày khái niệm của xã hội hóa. Phân tích qua strifnh xã hội hóa theo quan điểm của Andreeva

Định nghĩa:

Khía cạnh thứ nhất: nghiên cứu xã hội hóa với tư cách là xã hội hóa các sự kiện, các vấn đề, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là quá trình tăng cường sự chú ý, sự quan tâm của

xã hội cả về vật chất và tinh thần đến những nội dung, sự kiện cụ thể nào đó trong đời sống con người mà trước đây chỉ có một bộ phận, một cơ quan chức năng nào đó của xã hội quan tâm. Ví dụ: việc quan tâm đến sự nghiệp giáo dục: trước đây, mọi người, kể cả cha mẹ học sinh đều khoán trắng cho nhà trường và các tổ chức đoàn thể xã hội, đó là quá trình xã hội hóa giáo dục. Hoặc công tác chăm sóc y tế, sức khỏe bà mẹ trẻ em, người già... đang được sự quan tâm của toàn xã hội, đó là quá trình xã hội hóa y tế, xã hội hóa y tế, xã hội hóa công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe bà mẹ trẻ em... Tương tự, ở nhiều lĩnh vực khác đã và đang thu hút sự quan tâm của xã hội như xã hội hóa thể dục, thể thao, xã hội hóa thông tin

Khía cạnh thứ hai: nghiên cứu quá trình chuyển biến từ một chỉnh thể sinh vật có bản chất xã hội với các tiền đề tự nhiên đến một chỉnh thể đại diện của xã hội loài người, đó chính là quá trình xã hội hóa cá nhân. Đây cũng chính là hướng tiếp cận chủ yếu của xã hội học trong phạm trù xã hội hóa.

Các phân đoạn của M.Andreeva (nữ tâm lý học, xã hội học Nga)

Theo bà quá trình xã hội hóa cá nhân có 3 giai đoạn:

Giai đoạn trước lao động: gồm toàn bộ thời kì từ khi con người sinh ra cho đến khi bắt đầu lao động chính thức (có thu nhập hoặc lương). Hoạt động chủ đạo ở giai đoạn này là vui chơi, là học tập từ nhà trẻ, lớp mẫu giáo đến các lớp học, các cấp học khác nhau. Các cá nhân từng bước thu nhận những tri thức khoa học và thực tiễn, thiết lập các tương tác xã hội, xác lập những mối quan hệ xã hội mới, dần dần hoàn thiện nhân cách. Kết thúc giai đoạn này khi cá nhân hoàn thành việc học văn hóa hoặc nghề trong môi trường giáo dục chính thức.

Giai đoạn lao động: bắt đầu từ khi con người bước vào quá trình lao động chính thức cho đến khi kết thúc quá trình bày (nghỉ hưu). Thời điểm bắt đầu và kết thúc của giai đoạn này cũng có thể chênh lệch theo quy định từng nước (tuổi lao động có thể sớm hơn, tuổi nghỉ hưu có thể muộn hơn...). Hoạt động chủ đạo của cá nhân trong giai đoạn này là hoạt động trí óc hoặc chân tay trên mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, chính trị văn hóa, xã hội. Trong quá trình này cá nhân không chỉ học hỏi, thu nhận những giá trị, chuẩn mực và các kinh nghiệm xã hội mà còn tái tạo lại chúng, góp phần xây dựng những quan hệ xã hội mới. Đây cũng là giai đoạn mà các địa vị, vai trò của cá nhân được định hình, tương tác xã hội diễn ra mạnh mẽ, tính tích cực xã hội được bộc lộ rõ nét, mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội được tăng cường.

Giai đoạn sau lao động: là giai đoạn kết thúc quá trình lao động chính thức của cá nhân (nghỉ hưu đối với cán bộ công chức). Có quan điểm cho rằng quá trình xã hội hóa cá nhân không còn ý nghĩa trong giai đoạn này bởi các chức năng xã hội của người già đã bị thu hẹp lại. Ngược lại đa số đều cho rằng người già vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc tái

tạo các kinh nghiệm xã hội. Tính tích cực xã hội của họ có thể giảm đi bởi sức khỏe và tuổi tác, song những kinh nghiệm xã hội, những lời dạy bảo của người già vẫn cần thiết trong quá trình xã hội hóa và cần được khích lệ kịp thời. Mặt khác, bản thân người già cũng cần học hỏi để hội nhập, thích ứng với cuộc sống, trước hết là với gia đình và con cháu.

- ⇒ Tuy vẫn còn hạn chế, song cách phân chia các giai đoạn của Andreeva đã được nhiều người thừa nhận.

Câu 17: Trình bày các môi trường xã hội hóa và lấy ví dụ phân tích các môi trường xã hội hóa

Các môi trường xã hội hóa

Môi trường gia đình:

Đây là MT XHH đầu tiên và đóng vai trò quyết định trong quá trình XHH cá nhân.

- Đối tượng đầu tiên dc xã hội hóa là trẻ em.
- Tổ ấm gia đình, tình cảm gia đình là những giá trị gia đình khó có thể thay thế.

Gia đình với tư cách là một thiết chế xã hội có những chức năng đặc biệt:

- Duy trì nề nếp, hình thành nhân cách; thỏa mãn những nhu cầu sống của mỗi cá nhân, nhằm kiểm soát, hướng dẫn các hành vi của cá nhân sao cho phù hợp với các chuẩn mực, giá trị của gia đình và của xã hội

Mỗi gia đình là một nhóm xã hội mang tính đặc thù. Các cá nhân thực hiện những hành vi xã hội thông qua các mối quan hệ với các thành viên trong gia đình. Cá nhân tiếp nhận, học hỏi và bắt chước các mô hình hành vi từ các thành viên và từng bước thực hiện các vị trí, vai trò của mình phù hợp sự mong đợi của gia đình và xã hội.

Mỗi gia đình là một tiểu văn hóa được xây dựng trên một nền tảng văn hóa chung. Các tiểu văn hóa này được hình thành bởi từ nhiều thế hệ, tiếp tục được vun xới, bồi đắp trở thành truyền thống, lối sống của gia đình. Các cá nhân tiếp thu và cũng góp phần vào việc tái tạo, xây dựng các khuôn mẫu văn hóa của gia đình.

Trong xu thế biến đổi từ gia đình truyền thống (nhiều thế hệ) sang gia đình hiện đại (gia đình hạt nhân 2 thế hệ cha-con), vai trò của cha mẹ cũng có nhiều đổi thay kể từ việc nuôi dưỡng, chăm sóc đến việc định hướng giáo dục cho con cái. Nhưng cũng không nên quan niệm một cách cực đoan rằng cuộc sống hiện tại với những biến đổi sâu sắc về đời sống vật chất và tình cảm trong mỗi gia đình đã làm mất đi những quan hệ truyền thống vốn có, làm mất đi vai trò của những người làm cha, làm mẹ. Mỗi người làm cha, làm mẹ trong

các gia đình hiện đại cũng đã và đang phải tự điều chỉnh các hành vi chăm sóc giáo dục để không làm mất đi các vai trò, chức năng của mình với gia đình, với con cái.

⇒ Dẫu xã hội có đổi thay, dẫu gia đình có nhiều biến đổi, nhưng gia đình mãi mãi là một hằng số không thể thay thế trong cuộc sống của mỗi con người.

Môi trường trường học:

+ Trường học – là môi trường xã hội hóa chính thức, bao gồm từ lớp học đầu tiên của cuộc đời, đó là nhà trẻ, lớp mẫu giáo, đến khi kết thúc việc học tập văn hóa hoặc học nghề, với sự hiện hữu một mối quan hệ đặc biệt: Thầy và trò. Người thầy, dù ở cấp học nào cũng phải đóng vai trò chủ đạo, người trò dù ở trình độ nào cũng phải đóng vai trò tích cực trong môi trường xã hội hóa quan trọng này.

+ Trường học là nơi cá nhân được rèn luyện và giáo dục một cách bài bản. Từ môi trường này các cá nhân được tiếp thu các di sản văn hóa, các tri thức khoa học kỹ thuật của nhân loại làm hành trang cho cuộc sống của mình.

+ Xã hội càng văn minh, càng hiện đại, càng đòi hỏi mỗi thành viên của nó phải được trang bị đầy đủ, vững vàng về phẩm chất đạo đức, về trình độ văn, khoa học kỹ thuật và trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Cũng chính vì vậy môi trường giáo dục luôn được quan tâm của mọi người, mọi nhà và của toàn xã hội

+ Trong trường học, mỗi cá nhân không chỉ được “luyện” chữ mà còn được ‘rèn” người. Đào tạo nhiều hiền tài cho đất nước, trong bất kì giai đoạn nào của lịch sử, cũng là mục đích, là chức năng của giáo dục.

+ Sự thành đạt, sự vững vàng trong cuộc sống của mỗi con người phụ thuộc rất nhiều vào quá trình học tập, phấn đấu trong môi trường trường học. Nhiệm vụ hàng đầu của mỗi người trong giai đoạn này là học tập. Sự lười biếng, dốt nát sẽ là tai họa không chỉ riêng ai, mà cho cả nhân loại.

Môi trường xã hội:

Xã hội chính là trường học lớn nhất của cuộc đời mỗi con người. Môi trường xã hội ở đây được hiểu như một nhóm, một giai cấp, một cộng đồng xã hội. Đây cũng là môi trường giáo dục không chính thức, song không thể thiếu trong cuộc đời mỗi con người, bởi người ta có thể sống thiếu gia đình, không được học hành song không thể sống ngoài xã hội.

Các nhóm xã hội:

- Bao gồm cả những nhóm chính thức (các tổ chức lớp, đội, đoàn thể xã hội...) và không chính thức (nhóm cùng sở thích, nhóm đồng niên, đồng hương, nhóm trẻ lang thang kể cả các băng đảng...)

- Những nhóm xã hội này đã tác động rất nhiều tới quá trình xã hội hóa cá nhân. Mỗi cá nhân luôn gắn với các vị trí, vai trò xã hội trong một cơ cấu xác định, bởi vậy các khuôn mẫu hành vi, các giá trị chuẩn mực của nhóm sẽ ràng buộc, điều chỉnh hành động xã hội của từng thành viên (mức độ phụ thuộc ít nhiều, mạnh yếu còn phụ thuộc bởi tính chất và các kiểu loại nhóm mà thành viên ấy tham gia).
- Trong quá trình hình thành và phát triển của nhóm, một mặt cá nhân tiếp tục thu nhận và hoàn thiện những tri thức khoa học, những kỹ năng lao động, nghề nghiệp, thiết lập, mở rộng các mối quan hệ xã hội, mặt khác cá nhân cũng tái tạo cá giá trị, các tri thức góp phần xây dựng những chuẩn mực, những giá trị xã hội mới trước hết là ở trong nhóm.

Thông tin đại chúng

- Trong các xã hội phát triển, hệ thống thông tin đại chúng đóng vai trò hết sức quan trọng trong quá trình xã hội hóa cá nhân. Các hoạt động sống của con người không thể thiếu các hoạt động ngày càng nhiều, càng hiệu quả của các hệ thống thông tin như sách báo, tạp chí, phát thanh, truyền hình...
- Các giá trị văn hóa, chuẩn mực, các hoạt động xã hội, thường xuyên được chuyển tải qua hệ thống thông tin...Đó cũng chính là phương tiện để phổ biến tri thức, tư tưởng, các giá trị và niềm tin mà xã hội mong muốn.
- Cá nhân thu nhận, điều chỉnh các vai trò, các khuôn mẫu hành vi của mình sao cho phù hợp với các yêu cầu của xã hội, một phần quan trọng cũng bởi tác động của những mạng lưới thông tin đại chúng (đặc biệt là báo hình, các số liệu điều tra xã hội học đều khẳng định điều này).
- Các môi trường khác:
 - Những đoàn thể và hiệp hội đủ loại thuộc các lĩnh vực kinh doanh và các chức nghiệp giải trí, chính trị và tôn giáo đều luôn luôn ảnh hưởng đến sự thay đổi và phát triển của con người xã hội (Joseph.H.Fichter, Trần Văn Đĩnh dịch 1974:42)

T chưa biết lấy ví dụ

Câu 18: Trình bày khái niệm biến đổi xã hội? Phân tích những đặc điểm và nguyên nhân của biến đổi xã hội.

Biến đổi xã hội là gì:

- Biến đổi xã hội là một đặc tính vốn có của một xã hội.
- John Macionis: Biến đổi xã hội đề cập đến sự chuyển đổi của văn hóa và các thiết chế xã hội qua thời gian.
- Jary: Biến đổi xã hội là sự thay đổi của tình trạng hiện thời so với tình trạng trước đó của các khía cạnh cấu trúc xã hội hay thiết chế xã hội được xem xét.

- David D Brinkerhoff: Biến đổi xã hội là bất kì sự chuyển đổi, hay thay đổi đáng kể nào đó của cá cấu trúc xã hội hay thiết chế xã hội.
- ⇒ Biến đổi xã hội là khái niệm phản ánh bất kì sự thay đổi nào của cấu trúc xã hội hoặc của thiết chế xã hội.
 - + Nghĩa rộng: Xã hội biến đổi so với xã hội trước đó
 - + Nghĩa hẹp: Sự thay đổi cấu trúc, các nhân tố, đặc điểm của xã hội.

Đặc điểm

- Biến đổi xã hội diễn ra liên tục
- Biến đổi xã hội cũng có thể được đặt kế hoạch trước, cũng có thể không được dự tính trước
- Biến đổi xã hội thường gây tranh cãi
- Có những biến đổi xã hội có ý nghĩa lớn hơn những biến đổi xã hội khác.

Nguyên nhân:

- Biến đổi tự nhiên là nguyên nhân quan trọng tạo nên biến đổi xã hội
- Sự thay đổi dân số
- Do các sáng chế, phát minh, phát hiện
- Xung đột xã hội
- Tư tưởng giá trị văn hóa
- [dựa vào giáo trình trang 351-357 để phân tích chi tiết]